

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 215/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 28/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 24/3/2024

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT1480	Triệu Trung Anh	19/08/1993	Lạng Sơn	Nam	8.2	8.0	DBG018673	CNTT/24/1695	Đạt	
2	CNTT1481	Nguyễn Văn Chiến	13/08/1978	Bắc Giang	Nam	8.0	8.5	DBG018674	CNTT/24/1696	Đạt	
3	CNTT1482	Trần Quang Dũng	08/10/1988	Bắc Giang	Nam	8.7	8.0	DBG018675	CNTT/24/1697	Đạt	
4	CNTT1483	Trần Vương Duy	03/02/1988	Lạng Sơn	Nam	8.5	8.0	DBG018676	CNTT/24/1698	Đạt	
5	CNTT1484	Triệu Quý Đôn	24/04/1984	Lạng Sơn	Nam	8.2	7.5	DBG018677	CNTT/24/1699	Đạt	
6	CNTT1485	Tô Mạnh Hùng	09/03/1989	Lạng Sơn	Nam	8.0	8.0	DBG018678	CNTT/24/1700	Đạt	
7	CNTT1486	Triệu Quang Huy	01/04/1991	Lạng Sơn	Nam	8.5	8.5	DBG018679	CNTT/24/1701	Đạt	
8	CNTT1487	Bùi Văn Lăng	26/01/1993	Bắc Giang	Nam	8.2	8.0	DBG018680	CNTT/24/1702	Đạt	
9	CNTT1488	Nguyễn Hoài Lâm	03/07/1999	Bắc Giang	Nam	8.5	7.5	DBG018681	CNTT/24/1703	Đạt	
10	CNTT1489	Lý Thị Lệ	12/02/1983	Bắc Giang	Nữ	8.0	8.0	DBG018682	CNTT/24/1704	Đạt	
11	CNTT1490	Nguyễn Trọng Luyến	14/12/1970	Bắc Ninh	Nam	8.2	8.5	DBG018683	CNTT/24/1705	Đạt	
12	CNTT1491	Trần Đức Lương	27/08/1996	Ninh Bình	Nam	8.7	8.5	DBG018684	CNTT/24/1706	Đạt	
13	CNTT1492	Đỗ Hoài Nam	09/02/1990	Thái Bình	Nam	8.0	8.0	DBG018685	CNTT/24/1707	Đạt	
14	CNTT1493	Ngô Tiến Phong	12/09/1996	Lạng Sơn	Nam	8.7	8.5	DBG018686	CNTT/24/1708	Đạt	
15	CNTT1494	Đoàn Hồng Quân	15/05/1996	Lạng Sơn	Nam	8.5	8.0	DBG018687	CNTT/24/1709	Đạt	
16	CNTT1495	Nguyễn Tuấn Thành	26/11/1993	Bắc Giang	Nam	8.2	8.5	DBG018688	CNTT/24/1710	Đạt	
17	CNTT1496	Nguyễn Văn Thắng	10/08/1991	Bắc Giang	Nam	8.0	8.5	DBG018689	CNTT/24/1711	Đạt	
18	CNTT1497	Nguyễn Văn Thắng	23/06/1990	Bắc Giang	Nam	8.5	8.0	DBG018690	CNTT/24/1712	Đạt	
19	CNTT1498	Tô Văn Thắng	20/03/1996	Bắc Giang	Nam	8.2	8.0	DBG018691	CNTT/24/1713	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
20	CNTT1499	Triệu Khánh	Thịnh	13/08/1995	Lạng Sơn	Nam	9.0	9.5	DBG018692	CNTT/24/1714	Đạt	
21	CNTT1500	Hoàng Văn	Thuần	13/06/1989	Bắc Giang	Nam	8.5	8.0	DBG018703	CNTT/24/1715	Đạt	
22	CNTT1501	Vũ Thu	Thủy	02/03/1994	Bắc Giang	Nữ	8.2	8.5	DBG018704	CNTT/24/1716	Đạt	
23	CNTT1502	Đặng Quang	Trọng	27/09/1989	Bắc Giang	Nam	8.0	8.0	DBG018705	CNTT/24/1717	Đạt	
24	CNTT1503	Lành Minh	Tuấn	13/03/1990	Lạng Sơn	Nam	8.5	7.5	DBG018706	CNTT/24/1718	Đạt	
25	CNTT1504	Phạm Minh	Tuấn	12/09/1986	Nam Định	Nam	8.2	8.0	DBG018707	CNTT/24/1719	Đạt	
26	CNTT1505	Đỗ Thị	Bích	20/12/1996	Bắc Giang	Nữ	7.7	8.0	DBG018708	CNTT/24/1720	Đạt	
27	CNTT1506	Nguyễn Văn	Chí	30/08/1987	Bắc Ninh	Nam	7.0	8.5	DBG018709	CNTT/24/1721	Đạt	
28	CNTT1507	Nguyễn Xuân	Chương	22/08/1979	Bắc Ninh	Nam	7.5	8.0	DBG018710	CNTT/24/1722	Đạt	
29	CNTT1508	Nguyễn Văn	Đức	14/07/1991	Bắc Ninh	Nam	8.0	7.5	DBG018711	CNTT/24/1723	Đạt	
30	CNTT1509	Trần Văn	Đức	21/08/1992	Bắc Ninh	Nam	7.5	7.5	DBG018712	CNTT/24/1724	Đạt	
31	CNTT1510	Dương Quốc	Hoa	24/01/1988	Bắc Giang	Nam	7.7	7.0	DBG018713	CNTT/24/1725	Đạt	
32	CNTT1511	Đỗ Thị Thu	Huyền	19/12/1976	Bắc Giang	Nữ	7.2	6.5	DBG018714	CNTT/24/1726	Đạt	
33	CNTT1512	Hoàng Thị	Huyền	23/02/1991	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.5	DBG018715	CNTT/24/1727	Đạt	
34	CNTT1513	Nguyễn Thanh	Huyền	22/10/2001	Bắc Giang	Nữ	8.0	8.5	DBG018716	CNTT/24/1728	Đạt	
35	CNTT1514	Vi Thị Thanh	Huyền	09/09/1988	Bắc Giang	Nữ	8.2	8.0	DBG018717	CNTT/24/1729	Đạt	
36	CNTT1515	Ngô Việt	Hung	25/07/1981	Bắc Ninh	Nam	7.7	7.5	DBG018718	CNTT/24/1730	Đạt	
37	CNTT1516	Nguyễn Duy	Hung	12/08/1984	Bắc Giang	Nam	7.5	7.0	DBG018719	CNTT/24/1731	Đạt	
38	CNTT1517	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/10/1989	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.5	DBG018720	CNTT/24/1732	Đạt	
39	CNTT1518	Trần Thị	Ngân	11/04/1992	Bắc Giang	Nữ	7.5	7.5	DBG018721	CNTT/24/1733	Đạt	
40	CNTT1519	Ninh Thị	Nhân	05/06/1992	Bắc Giang	Nữ	7.2	8.0	DBG018722	CNTT/24/1734	Đạt	
41	CNTT1520	Vũ Thị	Nho	01/06/1991	Bắc Giang	Nữ	7.2	7.5	DBG018723	CNTT/24/1735	Đạt	
42	CNTT1521	Ngô Ngọc	Ninh	30/08/1988	Bắc Ninh	Nam	7.7	7.0	DBG018724	CNTT/24/1736	Đạt	
43	CNTT1522	Nguyễn Hương	Quỳnh	01/07/1994	Bắc Giang	Nữ	8.0	7.5	DBG018725	CNTT/24/1737	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
44	CNTT1523	Ngô Hồng Sơn	04/05/1986	Bắc Ninh	Nam	8.2	7.5	DBG018726	CNTT/24/1738	Đạt	
45	CNTT1524	Nguyễn Xuân Tân	15/02/1985	Bắc Ninh	Nam	7.7	7.0	DBG018727	CNTT/24/1739	Đạt	
46	CNTT1525	Phạm Đình Thắng	10/07/1989	Bắc Ninh	Nam	7.5	8.0	DBG018728	CNTT/24/1740	Đạt	
47	CNTT1526	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	17/02/1991	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.5	DBG018729	CNTT/24/1741	Đạt	
48	CNTT1527	Lý Thị Huyền Trang	25/09/1994	Bắc Giang	Nữ	7.2	8.0	DBG018730	CNTT/24/1742	Đạt	
49	CNTT1528	Trần Thị Vân	04/08/1983	Bắc Giang	Nữ	7.5	7.5	DBG018731	CNTT/24/1743	Đạt	
50	CNTT1529	Lê Tuấn Anh	02/09/1994	Hải Dương	Nam	7.7	8.0	DBG018732	CNTT/24/1744	Đạt	
51	CNTT1530	Phan Thị Châu Anh	02/08/1997	Bắc Giang	Nữ	7.5	7.5	DBG018733	CNTT/24/1745	Đạt	
52	CNTT1531	Đỗ Thị Minh Ánh	23/12/2004	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.0	DBG018734	CNTT/24/1746	Đạt	
53	CNTT1532	Nguyễn Văn Ba	23/12/2004	Bắc Giang	Nam	6.5	6.5	DBG018735	CNTT/24/1747	Đạt	
54	CNTT1533	Nguyễn Văn Công	27/05/1986	Bắc Ninh	Nam	7.2	7.5	DBG018736	CNTT/24/1748	Đạt	
55	CNTT1534	Tân Văn Cương	27/09/1995	Hải Dương	Nam	7.5	8.0	DBG018737	CNTT/24/1749	Đạt	
56	CNTT1535	Tạ Thị Duyên	02/01/1996	Bắc Giang	Nữ	7.0	7.5	DBG018738	CNTT/24/1750	Đạt	
57	CNTT1536	Đậu Văn Dương	04/03/1993	Nghệ An	Nam	7.7	8.0	DBG018739	CNTT/24/1751	Đạt	
58	CNTT1537	Nguyễn Ngọc Định	03/08/1992	Bắc Giang	Nam	7.5	7.5	DBG018740	CNTT/24/1752	Đạt	
59	CNTT1538	Hoàng Hữu Đức	08/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.0	5.5	DBG018741	CNTT/24/1753	Đạt	
60	CNTT1539	Trần Bắc Hải	24/12/1989	Bắc Giang	Nam	8.0	8.0	DBG018742	CNTT/24/1754	Đạt	
61	CNTT1540	Nguyễn Việt Hùng	26/05/1992	Hải Dương	Nam	7.2	7.5	DBG018743	CNTT/24/1755	Đạt	
62	CNTT1541	Nguyễn Văn Huy	21/08/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018744	CNTT/24/1756	Đạt	
63	CNTT1542	Đinh Thị Huyền	27/07/1996	Bắc Giang	Nữ	7.7	7.5	DBG018745	CNTT/24/1757	Đạt	
64	CNTT1543	Hoàng Trọng Hữu	11/10/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018746	CNTT/24/1758	Đạt	
65	CNTT1544	Trần Thị Thùy Linh	06/05/2004	Bắc Giang	Nữ	6.0	6.0	DBG018747	CNTT/24/1759	Đạt	
66	CNTT1545	Đỗ Thu Sang	29/08/2001	Bắc Giang	Nữ	7.0	8.5	DBG018748	CNTT/24/1760	Đạt	
67	CNTT1546	Đặng Thị Thắng	23/09/1992	Bắc Giang	Nữ	7.5	7.5	DBG018749	CNTT/24/1761	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
68	CNTT1547	Thân Quyết Thắng	13/09/2005	Bắc Giang	Nam	6.7	6.0	DBG018750	CNTT/24/1762	Đạt	
69	CNTT1548	Phạm Thị Minh Thu	05/11/2006	Thái Bình	Nữ	6.2	5.5	DBG018751	CNTT/24/1763	Đạt	
70	CNTT1549	Đào Văn Thuấn	16/01/1991	Thái Bình	Nam	7.5	7.5	DBG018752	CNTT/24/1764	Đạt	
71	CNTT1550	Ninh Thị Thúy	15/01/1987	Bắc Giang	Nữ	7.2	7.0	DBG018753	CNTT/24/1765	Đạt	
72	CNTT1551	Nguyễn Thị Thu Trang	14/04/2000	Bắc Giang	Nữ	7.0	8.0	DBG018754	CNTT/24/1766	Đạt	
73	CNTT1552	Đoàn Văn Trường	01/10/1993	Quảng Ninh	Nam	7.7	7.5	DBG018755	CNTT/24/1767	Đạt	
74	CNTT1553	Nguyễn Văn Tú	24/06/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018756	CNTT/24/1768	Đạt	
75	CNTT1554	Phùng Đức Vinh	20/11/1991	Bắc Giang	Nam	8.0	7.5	DBG018757	CNTT/24/1769	Đạt	
76	CNTT1555	Nguyễn Văn Vũ	18/04/2006	Bắc Giang	Nam	6.2	5.5	DBG018758	CNTT/24/1770	Đạt	

Danh sách có 76 thí sinh./.

